

Bản án: 196/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 7 - 2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Lý Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 242/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Cẩm T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đông H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp Rừng D, xã Mỹ Hạnh B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Chị T và anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 4 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm T trình bày: Chị Đoàn Thị Cẩm T và anh Lê Đông H chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 31 tháng 10 năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Lê Đông H: anh H xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh H và chị T theo lời trình bày của chị T là đúng. Nay chị T xin ly hôn, anh H đồng ý.

Khi ly hôn, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh Lê Đông H có hộ khẩu thường trú tại ấp Rừng D, xã Mỹ Hạnh B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Mỹ Hạnh B ngày 12 tháng 4 năm 2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm T và bị đơn anh Lê Đông H xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Cẩm T và anh Lê Đông H chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 31 tháng 10 năm 2018 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh H được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh H chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Nay chị T và anh H xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên hai bên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận giữa chị T và anh H về việc thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất khai, chị T và anh H chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh H thống nhất khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh H thống nhất khai, chị T và anh H chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Cẩm T xin ly hôn với anh Lê Đông H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Đông H.

Về con chung: Chị T và anh H thống nhất khai, chị T và anh H chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh H thống nhất khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh H thống nhất khai, chị T và anh H chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 10183 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để T hành.

Án này là sơ thẩm, chị T và anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp